



Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 36

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - "EVN"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 vào ngày 26 tháng 2 năm 2021.

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 - 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hóa trong năm 2004. Vào ngày 2 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh thành Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.

Vào ngày 11 tháng 2 năm 2009, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đầu tư ("GCNĐT") số 38121000021 do SKHĐT Tỉnh Kon Tum cấp để phát triển Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum đặt tại Tỉnh Kon Tum. GCNĐT này được điều chỉnh lần thứ 2 vào ngày 14 tháng 2 năm 2015. Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum đã nghiệm thu và bàn giao để đi vào vận hành chính thức. Vào ngày 24 tháng 3 năm 2021, tổ máy 1 của Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum đã hòa lưới điện quốc gia. Vào ngày 1 tháng 4 năm 2021 và ngày 9 tháng 4 năm 2021, tổ máy 1 và tổ máy 2 của Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum đã chính thức vận hành thương mại.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VSH theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 21, Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam và một chi nhánh là Công ty Thủy điện Thượng Kon Tum - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh tại Thôn Điak Tem, Xã Ngok Tem, Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động Chi nhánh ("GCNĐKHĐCN") số 4100562786-001 do SKHĐT Tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020, và GCNĐKHĐCN thay đổi lần 1 ngày 16 tháng 6 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Thành Trung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Minh Tuấn	Trưởng ban
Ông Quách Vĩnh Bình	Thành viên
Ông Trần Văn Hoàng	Thành viên

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Thanh
Ông Hoàng Anh Tuấn
Ông Dương Tấn Tường

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Thanh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có một công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đề ngày 25 tháng 3 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 61359032/22632973

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty") được lập ngày 25 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1



Đặng Nguyễn Hương
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 5041-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		690.601.085.646	361.946.083.107
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	52.372.559.114	14.871.017.319
111	1. Tiền		12.372.559.114	14.871.017.319
112	2. Các khoản tương đương tiền		40.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		39.273.701.370	35.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.1	39.273.701.370	35.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		497.038.308.058	210.311.651.429
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	483.111.910.294	94.021.439.850
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	17.380.314.661	109.737.150.920
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	4.731.855.020	6.553.060.659
137	4. Dự phòng ngắn hạn phải thu khó đòi	6	(8.185.771.917)	-
140	IV. Hàng tồn kho	8	101.916.517.104	100.662.618.952
141	1. Hàng tồn kho		101.916.517.104	100.662.618.952
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	1.100.795.407
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	-	1.100.795.407
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		9.337.510.931.583	9.326.032.088.941
220	I. Tài sản cố định		9.147.343.484.043	509.655.297.406
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	9.147.343.484.043	509.655.297.406
222	Nguyên giá		12.226.006.912.022	3.117.739.083.956
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.078.663.427.979)	(2.608.083.786.550)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		175.777.359.685	8.803.678.481.965
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	175.777.359.685	8.803.678.481.965
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		1.000.000.000	1.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	12.2	1.000.000.000	1.000.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		13.390.087.855	11.698.309.570
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		3.293.127.270	1.416.328.012
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	518.657.708	518.657.708
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	11	9.578.302.877	9.763.323.850
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		10.028.112.017.229	9.687.978.172.048

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.006.673.747.067	6.346.368.936.715
310	I. Nợ ngắn hạn		877.922.151.904	1.350.223.074.051
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	314.027.160.814	361.602.803.930
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.121.000.000	2.121.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	150.061.095.622	99.568.437.043
314	4. Phải trả người lao động		15.525.784.988	6.247.879.904
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	248.078.644.402	96.523.384.511
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	3.840.827.994	6.036.693.264
320	7. Vay ngắn hạn	17	142.358.739.858	771.603.359.562
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	1.908.898.226	6.519.515.837
330	II. Nợ dài hạn		5.128.751.595.163	4.996.145.862.664
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	201.734.197.176	-
338	2. Vay dài hạn	17	4.927.017.397.987	4.996.145.862.664
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.021.438.270.162	3.341.609.235.333
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	4.021.438.270.162	3.341.609.235.333
411	1. Vốn cổ phần		2.362.412.460.000	2.062.412.460.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.362.412.460.000	2.062.412.460.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.271.968.038	6.332.468.038
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		356.373.490.000	356.373.490.000
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		27.661.280.000	27.661.280.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.268.719.072.124	888.829.537.295
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		881.811.397.295	698.121.558.414
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		386.907.674.829	190.707.978.881
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		10.028.112.017.229	9.687.978.172.048

Lê Thị Hải Yến
Người lập

Phan Thị Thanh Thúy
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

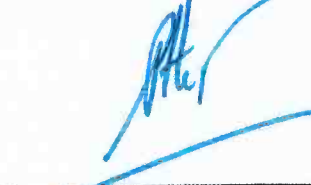
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	1.611.300.817.624	340.236.394.903
11	2. Giá vốn hàng bán	21, 24	(796.832.316.524)	(203.632.096.703)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		814.468.501.100	136.604.298.200
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	10.621.781.417	125.509.170.255
22	5. Chi phí tài chính	22	(324.400.341.084)	(1.251.453.330)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(323.439.602.872)	(1.251.453.330)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23, 24	(45.287.954.993)	(22.691.112.404)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		455.401.986.440	238.170.902.721
31	8. Thu nhập khác	25	90.909.090	660.000.002
32	9. Chi phí khác	25	(4.824.473.432)	(743.575.438)
40	10. Lỗ khác	25	(4.733.564.342)	(83.575.436)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		450.668.422.098	238.087.327.285
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(63.760.747.269)	(47.554.854.908)
52	13. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.3	-	175.506.504
60	14. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		386.907.674.829	190.707.978.881



Lê Thị Hải Yến
Người lập



Phan Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

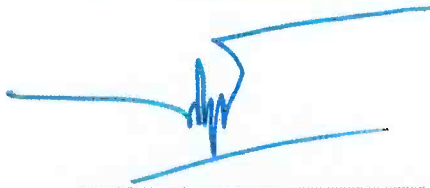
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		450.668.422.098	238.087.327.285
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	9	470.579.641.429	83.417.411.816
03	Dự phòng phải thu khó đòi	6	8.185.771.917	-
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(7.234.939.526)	(1.216.043.489)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.299.392.054)	(124.069.089.966)
06	Chi phí lãi vay	22	323.439.602.872	1.251.453.330
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.242.339.106.736	197.471.058.976
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(390.600.635.618)	19.419.812.053
10	Giảm hàng tồn kho		185.020.973	405.871.980
11	Tăng các khoản phải trả		48.626.817.469	38.659.698.739
12	Tăng chi phí trả trước		(1.876.799.258)	(1.082.765.891)
14	Tiền lãi vay đã trả		(79.533.694.665)	(1.235.637.499)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(53.554.854.908)	(14.504.299.055)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18	(11.289.091.633)	(4.110.480.334)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		754.295.869.096	235.023.258.969
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(328.260.127.402)	(821.956.284.767)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	130.578.457.434
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia		3.457.856.904	3.440.521.231
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(324.802.270.498)	(687.937.306.102)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Phát hành cổ phiếu	19.1	299.939.500.000	-
33	Tiền nhận từ đi vay	17	-	623.294.882.663
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	17	(691.931.556.803)	(226.323.395.752)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(391.992.056.803)	396.971.486.911
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		37.501.541.795	(55.942.560.222)
60	Tiền đầu năm		14.871.017.319	70.813.577.541
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	52.372.559.114	14.871.017.319



Lê Thị Hải Yến
Người lập




Phan Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - "EVN"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 vào ngày 26 tháng 2 năm 2021.

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 - 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh. Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hóa trong năm 2004. Vào ngày 2 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh thành Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.

Vào ngày 11 tháng 2 năm 2009, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đầu tư ("GCNĐT") số 38121000021 do SKHĐT Tỉnh Kon Tum cấp để phát triển Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum đặt tại Tỉnh Kon Tum. GCNĐT này được điều chỉnh lần thứ 2 vào ngày 14 tháng 2 năm 2015. Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum đã nghiệm thu và bàn giao để đi vào vận hành chính thức. Vào ngày 24 tháng 3 năm 2021, tổ máy 1 của Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum đã hòa lưới điện quốc gia. Vào ngày 1 tháng 4 năm 2021 và ngày 9 tháng 4 năm 2021, tổ máy 1 và tổ máy 2 của Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum đã chính thức vận hành thương mại.

Hiện tại, Công ty đang vận hành 3 nhà máy thủy điện như sau:

- Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn có công suất 66 MW đặt tại Xã Vĩnh Kim, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định.
- Nhà máy thủy điện Sông Hinh có công suất 70 MW đặt tại Xã Sơn Thành Tây, Huyện Tây Hòa, Tỉnh Phú Yên.
- Nhà máy thủy điện Thượng Kon Tum có công suất 220 MW đặt tại xã Ngok Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum (Công ty Thủy điện Thượng Kon Tum – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VSH theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 21, Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam và một chi nhánh là Công ty Thủy điện Thượng Kon Tum – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh tại Thôn Điek Tem, Xã Ngok Tem, Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động Chi nhánh ("GCNĐKHĐCN") số 4100562786-001 do SKHĐT Tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2021, và GCNĐKHĐCN thay đổi lần 1 ngày 16 tháng 6 năm 2021.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 228 (ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 236).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có một công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12.2. Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đề ngày 25 tháng 3 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Thiết bị vật tư, phụ tùng thay - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
thế và vật liệu xây dựng

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ **Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, thực hiện chế độ phúc lợi cho người lao động và phúc lợi xã hội, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

▶ **Cổ tức**

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

▶ **Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

Nghị quyết Số 467.1/2015/TNQ-VSH-HDQT ngày 11 tháng 5 năm 2015 của Hội đồng Quản trị và Nghị quyết Đại hội Cổ đông Số 467/2015/TNQ-VSH-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2015 đã phê duyệt mức trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ với số tiền là 27.661.280.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng sau khi có xác nhận của Công ty Mua bán Điện, thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	391.352.031	720.592.301
Tiền gửi ngân hàng	11.981.207.083	14.150.425.018
Các khoản tương đương tiền (*)	40.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	52.372.559.114	14.871.017.319

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 3%/năm đến 3,3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 27)	482.861.910.294	93.771.439.850
Phải thu từ khách hàng khác	250.000.000	250.000.000
TỔNG CỘNG	483.111.910.294	94.021.439.850

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu hầm	4.725.312.781	4.725.312.781
Cục giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng	2.288.048.379	2.288.048.379
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	1.422.920.070	4.365.398.316
Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng Tỉnh Kon Tum	893.983.053	47.512.098.859
Andritz Hydro GmbH	-	32.531.042.872
Các nhà cung cấp khác	8.050.050.378	18.315.249.713
TỔNG CỘNG	17.380.314.661	109.737.150.920
Dự phòng các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(8.185.771.917)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	9.194.542.744	109.737.150.920

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu người lao động	2.359.480.170	686.432.026
Lãi tiền gửi	1.279.315.972	1.437.780.822
Tạm ứng cho nhân viên	189.000.000	650.422.000
Khác	904.058.878	3.778.425.811
TỔNG CỘNG	4.731.855.020	6.553.060.659

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	101.916.517.104	44.106.001.013
Vật liệu xây dựng cơ bản	-	56.556.617.939
TỔNG CỘNG	101.916.517.104	100.662.618.952

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND
Số đầu năm	2.083.371.665.946	987.598.599.588	36.968.488.625	9.800.329.797	3.117.739.083.956
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (Thuyết minh số 10)	7.315.601.777.400	1.789.336.254.393	-	-	9.104.938.031.793
Mua trong năm	-	1.838.059.000	800.000.000	691.737.273	3.329.796.273
Số cuối năm	9.398.973.443.346	2.778.772.912.981	37.768.488.625	10.492.067.070	12.226.006.912.022
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	101.198.002.087	867.462.409.642	25.354.524.257	8.700.199.170	1.002.715.135.156
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	1.652.233.556.319	920.771.617.268	30.970.174.319	4.108.438.644	2.608.083.786.550
Khấu hao trong năm	385.253.804.652	83.405.216.385	1.582.309.179	338.311.213	470.579.641.429
Số cuối năm	2.037.487.360.971	1.004.176.833.653	32.552.483.498	4.446.749.857	3.078.663.427.979
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	431.136.109.627	66.826.982.320	5.998.314.306	5.691.891.153	509.655.297.406
Số cuối năm	7.361.486.082.375	1.774.596.079.328	5.216.005.127	6.045.317.213	9.147.343.484.043

Công ty đã sử dụng một phần tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh với giá trị còn lại vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 137.109.329.088 VND làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay dài hạn theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006 (Thuyết minh số 17).

Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản tại Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn làm tài sản đảm bảo cho các khoản trái phiếu phát hành, với giá trị còn lại vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 107.250.668.192 VND (Thuyết minh số 17).

Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản tại Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng dài hạn với giá trị còn lại vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 8.717.236.521.660 VND (Thuyết minh số 17).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2 và 3 (i)	98.308.623.045	98.308.623.045
Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (ii)	74.131.385.802	8.702.032.508.082
Khác	<u>3.337.350.838</u>	<u>3.337.350.838</u>
TỔNG CỘNG	<u>175.777.359.685</u>	<u>8.803.678.481.965</u>

(i) Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2 và 3 được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định cấp GCNĐT số 35101000062 ngày 7 tháng 11 năm 2007, thuộc Quy hoạch bậc thang thủy điện thượng Sông Côn thuộc tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai đã được Bộ Công Thương phê duyệt. Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2 có hai (2) hồ chứa, là Hồ Suối Say và Hồ Đak Kron Bun, với công suất lắp máy là 30MW. Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 3 có công suất lắp máy là 30 MW. Theo quyết định số 1855/QĐ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc tiếp tục triển khai thực hiện dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2 và 3.

(ii) Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum đang trong quá trình thực hiện quyết toán.

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác hình thành trong tương lai của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng dài hạn (Thuyết minh số 17).

Chi tiết tình hình tăng giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	8.803.678.481.965	8.032.694.546.319
Chi phí xây dựng	363.759.757.331	256.360.772.246
Vốn hóa chi phí lãi vay	113.277.152.182	526.931.197.492
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	<u>(9.104.938.031.793)</u>	<u>(12.308.034.092)</u>
Số cuối năm	<u>175.777.359.685</u>	<u>8.803.678.481.965</u>

11. THIẾT BỊ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Đây là giá trị thuần của công cụ, dụng cụ, vật tư và phụ tùng dùng để thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ là trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

12.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 3,8%/năm đến 4,9%/năm.

Công ty đã thế chấp khoản tiền gửi ngân hàng này để ngân hàng cấp bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 17).

12.2 Đầu tư tài chính dài hạn

Vào ngày kết thúc năm tài chính, chi tiết khoản đầu tư vào công ty con được trình bày như sau:

Tên công ty con	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH	1.000.000.000	100,00	1.000.000.000	100,00

Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4100922968 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp ngày 24 tháng 7 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là tư vấn, giám sát và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật công trình xây dựng. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	313.397.785.153	360.878.219.402
- Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Đà 10	119.671.862.167	54.193.887.947
- Tổ hợp nhà thầu Huadong - CR 18G (*)	84.420.271.971	188.796.692.308
- Công ty Cổ phần Xây dựng 47	43.535.343.768	16.349.458.626
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1	24.130.089.866	39.615.208.626
- Khác	41.640.217.381	61.922.971.895
Bên liên quan (Thuyết minh số 27)	629.375.661	724.584.528
TỔNG CỘNG	314.027.160.814	361.602.803.930

(*) Trong năm, Công ty đã phân loại khoản tiền phải trả cho Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong – CR18G (“Tổ hợp nhà thầu”) liên quan đến việc Công ty đã thu hồi bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Tổ hợp nhà thầu sang khoản mục phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 16).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	47.554.854.908	63.760.747.269	(53.554.854.908)	57.760.747.269
Thuế giá trị gia tăng	3.230.849.630	119.343.791.811	(82.746.442.362)	39.828.199.079
Thuế tài nguyên	24.578.095.336	165.121.588.211	(164.560.336.397)	25.139.347.150
Phí dịch vụ môi trường rừng	20.090.032.452	63.765.818.964	(58.771.380.600)	25.084.470.816
Thuế nhà thầu	-	2.377.426.030	(2.377.426.030)	-
Thuế khác	3.013.809.310	19.185.832.216	(19.951.310.218)	2.248.331.308
TỔNG CỘNG	98.467.641.636	433.555.204.501	(381.961.750.515)	150.061.095.622
Trong đó				
Phải thu	(1.100.795.407)			-
Phải trả	99.568.437.043			150.061.095.622

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	248.024.153.602	46.450.122.546
Chi phí xây dựng	-	50.073.261.965
Khác	54.490.800	-
TỔNG CỘNG	248.078.644.402	96.523.384.511

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	3.840.827.994	6.036.693.264
Thường hiệu quả công việc	-	3.175.739.787
Khác	3.840.827.994	2.860.953.477
Dài hạn	201.734.197.176	-
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng (*)	201.734.197.176	-
TỔNG CỘNG	205.575.025.170	6.036.693.264

(*) Đây là khoản tiền phải trả cho Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong – CR18G (“Tổ hợp nhà thầu”) liên quan đến việc Công ty đã thu hồi bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Tổ hợp nhà thầu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã đánh giá rằng Công ty sẽ chưa phải thanh toán khoản tiền này trong vòng 12 tháng tới. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã phân loại số tiền này từ khoản mục phải trả người bán ngắn hạn sang khoản mục phải trả dài hạn khác và được Hội đồng quản trị Công ty chấp thuận thông qua Văn bản số 173/VSH-HĐQT ngày 1 tháng 3 năm 2022 (Thuyết minh số 13).

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY

	Số đầu năm	Trả tiền vay	Phân loại lại	Chênh lệch tỷ giá	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	Số cuối năm
Ngắn hạn						
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17.2)	771.603.359.562	(691.931.556.803)	63.632.152.475	(945.215.376)	-	142.358.739.858
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 17.1)	245.003.359.562	(198.331.556.803)	35.632.152.475	(945.215.376)	-	81.358.739.858
Trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 17.3)	466.600.000.000	(433.600.000.000)	-	-	-	33.000.000.000
Vay bên khác	48.000.000.000	(48.000.000.000)	28.000.000.000	-	-	28.000.000.000
	12.000.000.000	(12.000.000.000)	-	-	-	-
Dài hạn						
Trái phiếu (Thuyết minh số 17.3)	4.996.145.862.664	-	(63.632.152.475)	(6.289.724.150)	793.411.948	4.927.017.397.987
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.2)	647.418.833.678	-	(28.000.000.000)	-	793.411.948	620.212.245.626
	4.348.727.028.986	-	(35.632.152.475)	(6.289.724.150)	-	4.306.805.152.361
TỔNG CỘNG	5.767.749.222.226	(691.931.556.803)	-	(7.234.939.526)	793.411.948	5.069.376.137.845

17.1 Vay bên liên quan

Chi tiết các khoản vay tin chấp từ bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	33.000.000.000	Ngày 28 tháng 1 năm 2022	8,5

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Vay ngắn hạn dài hạn

Chi tiết các khoản vay tín chấp từ các ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Hợp đồng	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") - Chi nhánh Bình Định (i)	802.696.914.219	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 850 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 6 năm 2023 đến ngày 8 tháng 10 năm 2030	8
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") - Chi nhánh Kon Tum (i)	574.765.000.000	Số 01/2017/HĐTD với hạn mức 600 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 6 năm 2023 đến ngày 8 tháng 10 năm 2030	8
Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai (i)	661.907.146.384	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 700 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2023 đến ngày 13 tháng 7 năm 2030	8
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank") - Chi nhánh Hiệp Phú (i)	474.647.998.000	Số 01/2017/HĐTD với hạn mức 500 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2023 đến ngày 13 tháng 7 năm 2030	8
Ngân hàng TMCP Á Châu ("ACB") - Chi nhánh Bình Định (i)	376.787.562.524	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 400 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2023 đến ngày 13 tháng 7 năm 2030	8
	436.988.149.186	Số 04/2015/HĐTD với hạn mức 950 tỷ đồng	Từ ngày 22 tháng 3 năm 2023 đến ngày 22 tháng 9 năm 2030	8,8 - 8,9
	413.130.500.000	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 950 tỷ đồng	Từ ngày 22 tháng 3 năm 2023 đến ngày 22 tháng 9 năm 2030	8,8 - 8,9

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Vay ngắn hạn dài hạn (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Nguyên tệ (USD)	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Raiffeisen Landesbank Oberosterreich (ii)	544.465.249.175	23.765.397	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2029	LIBOR thời hạn 6 tháng+2,97%	Bảo lãnh từ BIDV - Chi nhánh Bình Định từ khoản thế chấp tiền gửi tiết kiệm 35 tỷ VND (Thuyết minh số 12.1)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Trung Bộ (iii)	102.775.372.731	4.440.500	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2022 đến ngày 1 tháng 6 năm 2035	Phí dịch vụ 0,75% và phí quản lý 0,2%	Một phần tài sản cố định hữu hình tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh, trị giá 137.109.329.088 VND (Thuyết minh số 9)

TỔNG CỘNG

4.388.163.892.219 **28.205.897**

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả 81.358.739.858

Vay dài hạn 4.306.805.152.361

(i) Những khoản vay này nhằm mục đích thanh toán chi phí đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum, theo thỏa thuận tài trợ dự án số 01/2015/TTDA và 01/2017/TTDA giữa Công ty và các ngân hàng thương mại bao gồm BIDV - Chi nhánh Bình Định, Vietcombank - Chi nhánh Kon Tum, ACB - Chi nhánh Bình Định, HDBank - Chi nhánh Hiệp Phú và Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai, trong đó, BIDV - Chi nhánh Bình Định giữ vai trò là ngân hàng đầu mối và đại lý nhận tài sản đảm bảo, bao gồm toàn bộ quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản hình thành trong tương lai của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum. Ngoài ra, BIDV - Chi nhánh Bình Định còn ký kết Hợp đồng cấp bảo lãnh số 01/2014/HĐBL/BIDV-VSH để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Raiffeisen Landesbank Oberosterreich với tổng số tiền bảo lãnh tối đa không vượt quá 30.634.865,8 USD.

(ii) Ngày 28 tháng 3 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng xuất khẩu với Ngân hàng Raiffeisen Landesbank Oberosterreich. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán 80% nghĩa vụ thanh toán của Công ty theo Hợp đồng cung cấp thiết bị cơ điện cho Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum ký ngày 15 tháng 8 năm 2012 với Andritz Hydro GmbH.

(iii) Đây là khoản vay để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Sông Hinh từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức của Quỹ Phát triển Bắc Âu ("NDF"). Vào ngày 22 tháng 11 năm 2005, Công ty đã nhận bản giao khoản vay này từ Tổng Công ty Điện lực Việt Nam khi thực hiện cổ phần hoá thông qua hợp đồng tín dụng số 01/TDNN với Chi nhánh Quỹ hỗ trợ Phát triển Phú Yên (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Trung Bộ). Các khoản vay này không lãi suất và chịu chi phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.3 Trái phiếu

Chi tiết của các trái phiếu này vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày như sau:

	<i>Giá trị</i>
	<i>VND</i>
VSH_BOND_2019 (Thuyết minh số 27)	652.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(5.553.883.638)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	<u>1.766.129.264</u>
TỔNG CỘNG	<u>648.212.245.626</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả</i>	<i>28.000.000.000</i>
<i>Trái phiếu dài hạn</i>	<i>620.212.245.626</i>

Từ ngày 1 tháng 10 năm 2019 đến ngày 26 tháng 6 năm 2020, Công ty đã phát hành 700 trái phiếu không chuyển đổi với tổng giá trị 700 tỷ VND (mệnh giá 1 tỷ VND/ trái phiếu). Các trái phiếu này được đảm bảo bằng toàn bộ các tài sản của Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn (Thuyết minh số 9).

Công ty cam kết mua lại số lượng trái phiếu trước hạn kể từ ngày phát hành theo kế hoạch như sau:

- 4% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn mười hai (12) tháng kể từ ngày phát hành;
- 4% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành;
- 4% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày phát hành;
- 4% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành;
- 24% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn sáu mươi (60) tháng kể từ ngày phát hành;
- 30% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn bảy mươi hai (72) tháng kể từ ngày phát hành; và
- 30% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn tám mươi bốn (84) tháng kể từ ngày phát hành.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để đầu tư Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum.

Các trái phiếu nêu trên đã được Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh thu xếp phát hành.

18. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i> <i>Năm trước</i>
Số đầu năm	6.519.515.837	3.953.116.910
Trích từ lợi nhuận sau thuế	6.122.140.000	6.232.980.000
Sử dụng quỹ trong năm	(11.289.091.633)	(4.110.480.334)
Các nguồn tăng khác	<u>556.334.022</u>	<u>443.899.261</u>
Số cuối năm	<u>1.908.898.226</u>	<u>6.519.515.837</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước:						
Số đầu năm	2.062.412.460.000	6.332.468.038	356.373.490.000	27.661.280.000	705.250.538.414	3.158.030.236.452
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	190.707.978.881	190.707.978.881
Thù lao, thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(896.000.000)	(896.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.432.980.000)	(5.432.980.000)
Khác	-	-	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)
Số cuối năm	2.062.412.460.000	6.332.468.038	356.373.490.000	27.661.280.000	888.829.537.295	3.341.609.235.333
Năm nay:						
Số đầu năm	2.062.412.460.000	6.332.468.038	356.373.490.000	27.661.280.000	888.829.537.295	3.341.609.235.333
Tăng vốn (*)	300.000.000.000	(60.500.000)	-	-	-	299.939.500.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	386.907.674.829	386.907.674.829
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	-	(5.322.140.000)	(5.322.140.000)
Thù lao, thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (**)	-	-	-	-	(896.000.000)	(896.000.000)
Khác (**)	-	-	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)
Số cuối năm	2.362.412.460.000	6.271.968.038	356.373.490.000	27.661.280.000	1.268.719.072.124	4.021.438.270.162

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Vào ngày 28 tháng 10 năm 2020, Cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ thêm 300.000.000.000 VND theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 1926/BBH-VSH-ĐHĐCĐ và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 1927/NQ-VSH-ĐHĐCĐ. Theo đó, Công ty sẽ phát hành 30.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị 300.000.000.000 VND cho các cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ 55:8 (mỗi cổ đông sở hữu 55 cổ phiếu được phép mua thêm 8 cổ phiếu mới).

Vào ngày 3 tháng 11 năm 2020, Hội đồng Quản trị cũng đã thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nói trên theo Nghị quyết số 1975/NQ-VSH-HĐQT.

Vào ngày 18 tháng 12 năm 2020, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán Cổ phiếu ra Công chúng số 321/GCN-UBCK do UBCKNN chấp thuận việc phát hành 30.000.000 cổ phiếu nói trên cho các cổ đông hiện hữu.

Việc phát hành cổ phiếu này đã được hoàn thành vào ngày 5 tháng 2 năm 2021, với tổng số cổ phiếu phổ thông mới được phát hành cho các cổ đông hiện hữu là 30.000.000 cổ phiếu với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 2.062.412.460.000 VND lên 2.362.412.460.000 VND.

Vào ngày 18 tháng 2 năm 2021, Công ty đã nhận được Công văn Số 508/UBCK-QLCB của UBCKNN thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu này của Công ty.

Vào ngày 26 tháng 2 năm 2021, Công ty đã nhận được GCNĐKDN thay đổi lần thứ 7 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định chấp thuận việc tăng vốn nói trên.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 859/NQ-VSH-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2020 để trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và khen thưởng khác.

19.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu
Công ty TNHH Năng lượng REE	1.191.954.780.000	50,45	1.021.389.100.000	49,52
Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần Samarang Ucits - Samarang Asian Prosperity	721.830.490.000	30,55	630.169.480.000	30,55
Các cổ đông khác	233.297.240.000	9,88	203.672.200.000	9,88
	215.329.950.000	9,12	207.181.680.000	10,05
TỔNG CỘNG	2.362.412.460.000	100,00	2.062.412.460.000	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm Số lượng	Số đầu năm Số lượng
Cổ phiếu đăng ký phát hành	236.241.246	206.241.246
Cổ phiếu đã bán ra công chúng Cổ phiếu phổ thông	236.241.246 236.241.246	206.241.246 206.241.246
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	236.241.246 236.241.246	206.241.246 206.241.246

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (vào ngày 31 tháng 12 năm 2020: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu thuần về bán hàng

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu bán điện cho bên liên quan (Thuyết minh số 27)	<u>1.611.300.817.624</u>	<u>340.236.394.903</u>

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.322.389.363	1.440.080.289
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.299.392.054	2.334.029.724
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư	-	120.765.500.242
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	969.560.000
TỔNG CỘNG	<u>10.621.781.417</u>	<u>125.509.170.255</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn sản xuất điện	<u>796.832.316.524</u>	<u>203.632.096.703</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	323.439.602.872	1.251.453.330
Khác	960.738.212	-
TỔNG CỘNG	324.400.341.084	1.251.453.330

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	26.579.588.549	14.255.049.752
Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn	8.185.771.917	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.987.195.153	2.653.526.662
Chi phí vật liệu quản lý	270.503.648	692.916.833
Chi phí khấu hao	490.462.813	577.284.970
Thuế, phí và lệ phí	400.094.405	405.995.574
Chi phí khác	6.374.338.508	4.106.338.613
TỔNG CỘNG	45.287.954.993	22.691.112.404

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao	470.318.415.744	82.751.254.540
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	244.360.341.175	79.582.027.487
Chi phí nhân viên	76.689.177.926	38.990.910.722
Chi phí nguyên vật liệu	14.413.018.072	7.031.776.882
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.177.151.832	4.037.569.394
Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn	8.185.771.917	-
Chi phí sửa chữa và bảo trì tài sản cố định	3.255.323.642	5.185.451.573
Chi phí khác	15.721.071.209	8.744.218.509
TỔNG CỘNG	842.120.271.517	226.323.209.107

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	90.909.090	660.000.002
Doanh thu chia sẻ vận hành điện	90.909.090	90.909.091
Khác	-	569.090.911
Chi phí khác	4.824.473.432	743.575.438
Phạt hành chính	3.501.336.866	656.507.256
Khác	1.323.136.566	87.068.182
LỖ KHÁC	<u>(4.733.564.342)</u>	<u>(83.575.436)</u>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 10% đối với thu nhập chịu thuế từ doanh thu bán điện trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2005) và mức thuế suất phổ thông đối với thu nhập chịu thuế từ các hoạt động khác.

Đối với dự án Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp hiện đang được áp dụng theo các quy định hiện hành.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	63.760.747.269	47.554.854.908
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-	(175.506.504)
TỔNG CỘNG	<u>63.760.747.269</u>	<u>47.379.348.404</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>450.668.422.098</u>	<u>238.087.327.285</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	90.133.684.420	47.617.465.457
Điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	16.498.399.396	131.301.451
Thuế TNDN được miễn	(42.871.336.547)	-
Cổ tức nhận được	-	(193.912.000)
Khác	-	(175.506.504)
Chi phí thuế TNDN	<u>63.760.747.269</u>	<u>47.379.348.404</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cùng với biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	518.657.708	518.657.708	-	175.506.504

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư hoặc nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc năm tài chính không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty có liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	VND	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn với cổ đông lớn	Bán điện	1.611.300.817.624	340.236.394.903
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ cao nhất	Lãi vay Vay	20.407.599.184 -	21.437.265.751 378.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Công ty con của công ty mẹ	Lãi vay Vay	879.726.027 -	672.328.768 20.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh	Công ty trong cùng tập đoàn với công ty mẹ	Lãi vay	-	2.703.287.671
Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH	Công ty con	Mua dịch vụ	-	915.848.653

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

				VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng					
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn với cổ đông lớn	Bán điện	<u>482.861.910.294</u>	<u>93.771.439.850</u>	
Phải trả người bán ngắn hạn					
Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH	Công ty con	Mua dịch vụ	<u>629.375.661</u>	<u>724.584.528</u>	
Vay ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ cao nhất	Vay	33.000.000.000	446.600.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Công ty con của công ty mẹ	Vay	-	20.000.000.000	
			<u>33.000.000.000</u>	<u>466.600.000.000</u>	
Vay dài hạn					
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ cao nhất	Trái phiếu	460.000.000.000	500.000.000.000	
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Công ty con của cổ đông lớn	Trái phiếu	192.000.000.000	200.000.000.000	
			<u>652.000.000.000</u>	<u>700.000.000.000</u>	

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

		VND	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		3.074.786.000	2.731.940.000
Lương và thưởng của Ban Tổng Giám đốc		3.408.552.000	2.453.450.000
TỔNG CỘNG		<u>6.483.338.000</u>	<u>5.185.390.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CÁC CAM KẾT LIÊN QUAN ĐẾN CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản cam kết trị giá 1.931.735.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 263.908.167.989 VND) chủ yếu liên quan đến việc đầu tư xây dựng các hạng mục còn lại của Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum.

29. CÁC VỤ KIỆN TỤNG

Vụ kiện tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam ("VIAC"), số 76/19 HCM

Vào ngày 11 tháng 4 năm 2019, Công ty đã nộp hồ sơ khởi kiện lại Tổng Công ty Công trình Hydrochina Huadong và Công ty TNHH Cục Đường sắt Số 18 Trung Quốc ("Tổ hợp nhà thầu Huadong - CR18G") do đơn phương chấm dứt hợp đồng tại VIAC.

Vào ngày 5 tháng 7 năm 2019, Tổ hợp nhà thầu Huadong - CR18G đã đưa ra phản tố và yêu cầu Công ty bồi thường chi phí vụ kiện với tổng số tiền 1 triệu USD ("Phản tố 1").

Vào ngày 15 tháng 11 năm 2019, Công ty đã gửi thông báo rút đơn kiện.

Vào ngày 28 tháng 11 năm 2019, Tổ hợp nhà thầu Huadong - CR18G gửi Yêu cầu phản tố sửa đổi bổ sung ("Phản tố 2").

Vào ngày 14 tháng 2 năm 2020, Hội đồng Trọng tài ("HĐTT") ra phán quyết về thẩm quyền như sau:

- Phản tố 1 đề ngày 5 tháng 7 năm 2019 thuộc thẩm quyền của HĐTT; và
- Phản tố 2 đề ngày 28 tháng 11 năm 2019 không thuộc thẩm quyền của HĐTT.

Vào ngày 20 tháng 3 năm 2020, Công ty đã gửi Đơn khiếu nại lên Tòa án Nhân dân ("TAND") Thành phố Hà Nội về việc HĐTT quyết định họ có thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện đã được Công ty rút lại và yêu cầu Tòa án bác bỏ thẩm quyền của HĐTT.

Vào ngày 10 tháng 4 năm 2020, HĐTT ban hành Lệnh thủ tục số 1 và vào ngày 14 tháng 4 năm 2020, Công ty đã gửi phản đối Lệnh thủ tục số 1 này.

Vào ngày 3 tháng 6 năm 2020, Tổ hợp nhà thầu Huadong - CR18G gửi Bản tự bảo vệ và yêu cầu phản tố bổ sung.

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2020, TAND Hà Nội ban hành Quyết định 08/2020/QĐ-GQKN, công nhận Hội đồng Trọng tài 76/19 HCM có quyền tiếp tục vụ kiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC VỤ KIẾN TỤNG (tiếp theo)

Vụ kiện tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam ("VIAC"), số 76/19 HCM (tiếp theo)

Vào ngày 7 tháng 9 năm 2020, Công ty đã tiếp tục gửi Đơn khiếu nại lên TAND Thành phố Hà Nội về việc HĐTT quyết định họ có thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện đã được Công ty rút lại.

Vào ngày 22 tháng 10 năm 2020, Công ty đã gửi đến TAND Thành phố Hà Nội và Viện kiểm sát Nhân dân ("VKSND") Thành phố Hà Nội văn bản đề nghị TAND Thành phố Hà Nội giải thích Quyết định 08/2020/QĐ-GQKN.

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2020, TAND Hà Nội có văn bản giải thích Quyết định 08/2020/QĐ-GQKN.

Vào ngày 29 tháng 12 năm 2020, Công ty đã gửi đến HĐTT văn bản không công nhận quyền tài phán của HĐTT.

Vào ngày 7 tháng 1 năm 2021, HĐTT quyết định phiên điều trần được tái dự kiến sẽ diễn ra từ ngày 23 tháng 8 năm 2021 đến ngày 27 tháng 8 năm 2021.

Vào ngày 2 tháng 8 năm 2021, HĐTT gửi thông báo phiên điều trần sẽ được tổ chức từ ngày 15 tháng 8 năm 2022 đến ngày 19 tháng 8 năm 2022.

Vụ kiện tại Tòa án Nhân dân ("TAND") Tỉnh Bình Định

Vào ngày 25 tháng 8 năm 2020, Công ty đã nộp hồ sơ khởi kiện Viện thiết kế Hydrochina Huadong và Công ty TNHH Cục Đường sắt Số 18 Trung Quốc ("tổ hợp nhà thầu") phải thanh toán cho Công ty với số tiền là 2.320.959.156.044 VNĐ tại TAND Tỉnh Bình Định.

Vào ngày 30 tháng 11 năm 2020, vụ kiện đã được TAND Tỉnh Bình Định thụ lý.

Vào ngày 17 tháng 12 năm 2020, Tòa Bình Định gửi thông báo nộp lệ phí thực hiện ủy thác tư pháp. VSH đã nộp.

Vào ngày 18 tháng 3 năm 2021, Công ty gửi đến TAND Tỉnh Bình Định bản ý kiến bác bỏ Văn bản ý kiến đề ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Văn phòng điều hành Kon Tum và văn bản ý kiến đề ngày 18 tháng 1 năm 2021 của đại diện Tổ hợp nhà thầu.

Vào ngày của báo cáo tài chính riêng này, TAND tỉnh Bình Định đang thực hiện các thủ tục ủy thác tư pháp và gửi các thông báo, văn bản tố tụng đến các Bị đơn.

Vụ kiện tại Tòa án Nhân dân ("TAND") Thành phố Hà Nội

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2020, Công ty đã nộp đơn khởi kiện đến TAND Thành phố Hà Nội để yêu cầu TAND buộc Tổng Công ty Bảo hiểm PVI phải thanh toán cho Công ty với số tiền là 43.150.320.450 VNĐ.

Vào ngày 25 tháng 1 năm 2021, vụ kiện đã được TAND Thành phố Hà Nội thụ lý.

Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, vụ kiện chưa được đưa ra xét xử.

Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tổn thất từ các vụ kiện này là thấp và theo đó Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng.

30. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính riêng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Lê Thị Hải Yến
Người lập

Phan Thị Thanh Thúy
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

